

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua định mức phân bổ kinh phí  
cho các đơn vị dự toán năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 09/12/2019 về việc phê duyệt định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2020, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua định mức phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán năm 2020 như nội dung Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện, trong đó:

- Khối QLNN:	10.728.516.000 đồng.
- Khối Đảng:	5.021.458.125 đồng.
- Khối Đoàn thể:	3.624.903.529 đồng.
<b>Tổng cộng:</b>	<b>19.374.877.654 đồng.</b>

(Có Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 09/12/2019 của UBND huyện kèm theo)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện Chư Puh triển khai thực hiện theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành.

Giao Thường trực HĐND, Ba Ban HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Puh khóa IX, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp tỉnh;
- TT Huyện uỷ; TT HĐND-UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh tại huyện;
- Các Ban HĐND huyện; ĐB HĐND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc huyện;
- Thường trực HĐND và UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, các CV.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Hoàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PƯH**

Số: **95** /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Chư Puh, ngày **09** tháng 12 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị phê duyệt định mức  
phân bổ kinh phí cho các đơn vị năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Khóa IX, kỳ họp thứ 9.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; Kế hoạch tài chính 03 năm 2020-2022; Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách thời kỳ 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu-chi ngân sách năm 2020 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố;

Để điều hành dự toán chi ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước quy định và công bằng giữa các đơn vị. Trên cơ sở quỹ tiền lương của các đơn vị, UBND huyện xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2019 cho các đơn vị dự toán cấp huyện, cụ thể như sau:

*(Có bảng định mức phân bổ chi tiết kèm theo)*

Trên đây là Tờ trình định mức phân bổ kinh phí chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán năm 2020. UBND huyện Kính trình HĐND huyện khóa IX, kỳ họp thứ 9 xem xét, quyết định. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Phòng TC-KH;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, KTTH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Thái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**

**HUYỆN CHƯ PỪH**

**BẢNG CHI TIẾT ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ LƯƠNG NĂM 2020 CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

*DVT: Đồng.*

STT	Tên đơn vị	Biên chế được giao	Lương	Lương HĐ 68	Định mức chi thường xuyên năm 2020	Chi Thường xuyên	TỔNG CỘNG
<b>I</b>	<b>Khối quản lý nhà nước</b>	<b>84</b>	<b>7.948.166.000</b>	<b>264.350.000</b>		<b>2.516.000.000</b>	<b>10.728.516.000</b>
1	Phòng Văn Hóa - Thông tin	3	319.650.000		30.000.000	90.000.000	409.650.000
2	Phòng Tài chính - KH	7	651.180.000		30.000.000	210.000.000	861.180.000
3	Phòng Tư pháp	5	458.700.000		30.000.000	150.000.000	608.700.000
4	Thanh tra huyện	4	470.314.000		30.000.000	120.000.000	590.314.000
5	Phòng Nội vụ huyện	7	561.141.000		30.000.000	210.000.000	771.141.000
6	Phòng Lao động TBXH huyện	7	659.515.000		30.000.000	210.000.000	869.515.000
7	Phòng Tài nguyên Môi trường	5	434.876.000		30.000.000	150.000.000	584.876.000
8	Văn phòng HĐND - UBND huyện	22	1.993.650.000	264.350.000	32.000.000	656.000.000	2.914.000.000
9	Phòng Giáo dục & Đào tạo	7	858.860.000		30.000.000	210.000.000	1.068.860.000
10	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	6	523.535.000		30.000.000	180.000.000	703.535.000
11	Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện	6	525.952.000		30.000.000	180.000.000	705.952.000
12	Phòng Y tế	2	217.492.000		30.000.000	60.000.000	277.492.000
13	Phòng dân tộc	3	273.301.000		30.000.000	90.000.000	363.301.000
<b>II</b>	<b>Khối Đảng</b>	<b>32</b>	<b>3.867.543.145</b>	<b>191914980</b>		<b>962.000.000</b>	<b>5.021.458.125</b>
1	Văn phòng Huyện ủy	13	1.365.120.120	191.914.980	32.000.000	392.000.000	1.949.035.100
2	Ban tuyên giáo	4	528.487.206		30.000.000	120.000.000	648.487.206
3	Ban tổ chức	6	751.702.020		30.000.000	180.000.000	931.702.020
4	UB Kiểm tra Đảng	5	652.369.680		30.000.000	150.000.000	802.369.680
5	Ban Dân Vận	4	569.864.119		30.000.000	120.000.000	689.864.119
<b>III</b>	<b>Khối Đoàn thể</b>	<b>24</b>	<b>2.821.628.039</b>			<b>710.000.000</b>	<b>3.624.903.529</b>
	Ủy ban MT TQVN huyện	7	851.284.680	93.275.490	30.000.000	200.000.000	1.144.560.170
	Huyện Đoàn	6	533.731.400		30.000.000	180.000.000	713.731.400

STT	Tên đơn vị	Biên chế được giao	Lương	Lương HĐ 68	Định mức chi thường xuyên năm 2020	Chi Thường xuyên	TỔNG CỘNG
	Hội Nông dân	4	534.325.920		30.000.000	120.000.000	654.325.920
	Hội LHPN	4	472.438.770		30.000.000	120.000.000	592.438.770
	Hội Cựu chiến binh	3	429.847.269		30.000.000	90.000.000	519.847.269
	<b>Tổng cộng</b>	<b>140</b>	<b>14.637.337.184</b>	<b>456.264.980</b>		<b>4.188.000.000</b>	<b>19.374.877.654</b>

Ghi chú: Định mức chi thường xuyên đối với HĐ 68: 20.000.000 đồng/người

**BẢNG CHI TIẾT ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ LƯƠNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2020**

*ĐVT: Đồng.*

STT	Tên đơn vị	Biên chế được giao	Lương	Lương HĐ 68	Định mức chi thường xuyên năm 2020	Chi Thường xuyên	Tổng cộng
1	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	10	776.047.000	50.410.000	20.000.000	200.000.000	1.026.457.000
3	Đài truyền thanh truyền hình	7	538.711.000		20.000.000	140.000.000	678.711.000
4	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	14	1.204.820.000		20.000.000	280.000.000	1.484.820.000
5	Hội chữ thập đỏ	3	261.204.000		20.000.000	60.000.000	321.204.000
6	Sự nghiệp Văn thư Lưu trữ	3	197.700.000		20.000.000	60.000.000	257.700.000
7	Sự nghiệp Văn hóa	8	522.280.000	66.530.000	20.000.000	160.000.000	748.810.000
8	Sự nghiệp Thể dục Thể thao	2	152.890.000		20.000.000	40.000.000	192.890.000
10	Trung tâm BDCT	5	513.331.000		20.000.000	100.000.000	613.331.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>52</b>	<b>4.166.983.000</b>	<b>116.940.000</b>	<b>160.000.000</b>	<b>1.040.000.000</b>	<b>5.323.923.000</b>